1. **Một trong các thành phần ứng dụng, quản lý các dịch vụ nền của ứng dụng được gọi là:**
2. Activities
3. Broadcast Receivers
4. Services
5. Content Providers
6. **Thuộc tính android:capitalize trong view Textview có chức năng gì?**
7. Hiển thi chữ viết thường của text
8. Viết hoa toàn bộ text
9. Chỉ định kiểu text hiển thị
10. Hiển thi chữ viết hoa đầu tiên của text
11. **Trong android studio, các tùy chọn nhanh có thể được truy cập từ:**
    1. Tool bar
    2. Menu bar
    3. Navigation bar
    4. Editor tab
12. **Môi trường Android cần thiết để phát triển được gọi là:**
    1. APK
    2. IDE
    3. SDK
    4. JDK
13. **Một loại phần tử bố trí cho phép mô tả vị trí tương đối các con của nó là:**
    1. LinearLayout
    2. ConstraintLayout
    3. RelativeLayout
    4. TextviewLayout
14. **layouts nào không có trong android?**
    1. AbsoluteLayout
    2. Farme Layout
    3. Frame Layout
    4. Linear Layout
15. **Thành phần Android mà hiển thị một phần của activity trên màn hình được gọi là:**
    1. intent
    2. fragment
    3. view
    4. manifest
16. **AndroidManifest có chức năng gì trong màn hình Android Studio?**
    1. Là tập tin, thiết lập các quyền, Activity, Service,...
    2. Là thư mục chứa Activity, Service,...
    3. Là chương trình mặc định trong Android Studio
    4. Là nơi lưu trữ mã XML cho giao diện
17. **Theo mặc định trong android studio trong quá trình phát triển ứng dụng, tệp chứa thông tin về SDK, phiên bản, Id ứng dụng, v.v. là:**
    1. AndroidManifest.xml
    2. res/layout
    3. res/values
    4. Build.gradle
18. **chọn nút (button) có thể được chọn từ danh mục bảng nào?**
    1. containers
    2. textfields
    3. layouts
    4. widgets
19. **Thư viện Android cung cấp thao tác văn bản và hiển thị ứng dụng là:**
    1. android.view
    2. android.webkit
    3. android.text
    4. android.os
20. **Trên màn hình Android Studio thì nội dung hiển thị của Logcat khi chạy chương trình có ý nghĩa gì?**
    1. Ghi vết lại quá trình chạy của chương trình (2)
    2. Thông báo lỗi của chương trình (1)
    3. Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI
    4. Thông báo kết quả khi chạy chương trình (3)
21. **Muốn sắp xếp các view theo dạng cột và dòng thì ta dùng Layout nào?**
    1. Grid View
    2. List View
    3. Table Layout
    4. Linear Layout
22. **Thành phần nào để truyền dữ liệu giữa các activities trong Android?**
    1. Intent
    2. Content Provider
    3. Broadcast receiver
    4. Fragment
23. **Trong android studio, mỗi activity mới được tạo phải được định nghĩa bởi:**
    1. Build.gradle
    2. res/values
    3. res/layout
    4. AndroidManifest.xml
24. **Để truy cập nội dung từ giao diện người dùng của Android ta chọn phương thức nào?**
    1. Đáp án (1), (3) đều ĐÚNG
    2. Sử dụng: getApplicationContext() ở bất kỳ đâu trong ứng dụng (3)
    3. Sử dụng: intent() (2)
    4. Sử dụng: getContext() in onCreate() (1)
25. **Theo mặc định trong android studio trong quá trình phát triển ứng dụng, thư mục được tạo cho các tệp xml là**
    1. res/layout
    2. Build.gradle
    3. AndroidManifest.xml
    4. res/values
26. **Thuộc tính android:editable trong EditText có chức năng gì?**
    1. Điều chỉnh text trong Table (1)
    2. Cho phép điều chỉnh text (2)
    3. Không cho phép điều chỉnh text (3)
    4. Đáp án (2) hoặc (3) điều ĐÚNG
27. **Android chủ yếu đang sử dụng bằng:**
    1. C# code
    2. Python code
    3. C code
    4. Java code
28. **Một class cho phép hiển thị thông báo trên cửa sổ logcat là?**
    1. Show class
    2. makeTest class
    3. Log class
    4. Toast Class
29. **Layout hoặc thiết kế của ứng dụng android được lưu trong file:**
    1. .dex
    2. .xml
    3. .text
    4. .java
30. **Thuộc tính nào sau đây được sử dụng để đặt màn hình activity theo hướng ngang?**
    1. android:ScreenOrientation=landscape
    2. android:screenOrientation=”landscape”
    3. screenOrientation=”landscape”
    4. screenorientation = landscape
31. **Hệ điều hành nền tảng cho Android là:**
    1. Linux
    2. Windows
    3. Ubuntu
    4. Max OS
32. **Android hỗ trợ bao nhiêu định hướng?**
    1. 8
    2. 4
    3. 6
    4. 2
33. **Thành phần quản lý giao diện và định dạng trên màn hình trong Android được gọi là:**
    1. layout
    2. view
    3. intent
    4. fragment
34. **Một kiểu của bố cục trình bày cho phép bố trí tất cả các phần tử theo thứ tự là:**
    1. ConstraintLayout
    2. TextviewLayout
    3. RelativeLayout
    4. LinearLayout
35. **Thư mục java có chức năng gì trên cửa sổ Android Studio?**
    1. Lưu mã nguồn Java dành cho lập trình ứng dụng Java (3)
    2. Lưu tất cả các lớp Activity xử lý nghiệp vụ người dùng (2)
    3. Lưu các tập tin chứa mã Java thiết kế giao diện (1)
    4. Tát cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI
36. **Một lớp dùng để hiển thị thông điệp toast cho người dùng là:**
    1. Show class
    2. Log class
    3. makeTest class
    4. Toast class
37. **Bạn có thể tắt một activity bằng cách gọi phương thức \_\_\_\_\_\_\_ của nó**
    1. finish() (3)
    2. finishActivity() (2)
    3. onDestory() (1)
    4. Không phải phương thức (1), (2) và (3)
38. **Trong Android Studio, thẻ hiển thị lỗi được gọi là**
    1. logcat
    2. CPU
    3. memory
    4. ADB logs
39. **Trong android studio, các tùy chọn nhanh có thể được truy cập từ:**
    1. Editor tab
    2. Tool bar
    3. Menu bar
    4. Navigation bar
40. **Component nào không được kích hoạt bởi một Intent?**
    1. broadcastReceiver
    2. contentProvider
    3. activity
    4. services
41. **Giới hạn thời gian của broadcast receiver trong Android là gì?**
    1. 10 sec
    2. 5 sec
    3. 15 sec
    4. 1 hour
42. **Phương thức được sử dụng để tạo thông báo Log trong android là:**
    1. Log.d()
    2. Log.D()
    3. Log.R()
    4. Log.r()
43. **Android được tích hợp sẵn cơ sở dữ liệu nào?**
    1. MySQL
    2. Oracle
    3. SQLLite
    4. SQLite
44. **Phương thức được gọi khi Service được tạo lần đầu tiên bằng cách sử dụng onStartCommand() hoặc onBind()là:**
    1. startService()
    2. onRestart()
    3. onStart()
    4. onCreate()
45. **Khi nào contentProvider được kích hoạt?**
    1. Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều SAI
    2. Sử dụng ContentResolver (3)
    3. Sử dụng SQLite (2)
    4. Sử dụng Intent (1)
46. **Nên sử dụng cách nào sau đây để lưu dữ liệu chưa được lưu và giải phóng tài nguyên đang được ứng dụng Android sử dụng?**
    1. Activity.onShutdown()
    2. Activity.onDestroy()
    3. Activity.onPause()
    4. Activity.onStop()
47. **Các lớp con trực tiếp của Activity là gì?**
    1. Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG
    2. ListActivity (1)
    3. ActivityGroup (2)
    4. FragmentActivity (3)
48. **Cái gì chạy trong nền và không có thành phần UI?**
    1. Content Providers
    2. Applications
    3. Intents
    4. Services
49. **Môi trường Java cần thiết để phát triển được gọi là?**
    1. JDK
    2. DEX
    3. DVM
    4. API
50. **View nào sau đây là các View mà bạn có thể sử dụng trong cửa sổ của ứng dụng Android?**
    1. EditText (3)
    2. Đáp án (2) & (3) đều ĐÚNG
    3. TextBox (1)
    4. TextView (2)
51. **Một loại dịch vụ được cung cấp bởi Android giúp tạo giao diện người dùng là:**
    1. Content Providers
    2. Notifications Manager
    3. View System
    4. Activity Manager
52. **Vòng đời của Activity trong Android là gì?**
    1. onCreate() −> onStart() −> onResume() −> onStop() −> onRestart (1)
    2. Tất cả đáp án (1), (2) và (3) đều ĐÚNG
    3. onCreate() −> onStart() −> onResume() −>onStop() (2)
    4. onCreate() −> onStart() −> onResume() (3)
53. **Lớp cha của Service?**
    1. Object
    2. Context
    3. ContextThemeWrapper
    4. ContextWrapper
54. **Phương thức nào dưới đây để lưu trữ dữ liệu vào Shared Reference**
    1. SharedReferences.commit()
    2. Editor.commit()
    3. Editor.writer()
    4. SharedReferences.edit()
55. **Điều nào sau đây là/phù hợp để lưu trạng thái của ứng dụng Android?**
    1. Activity.onDestroy()
    2. Activity.onFreeze()
    3. Activity.onPause()
    4. Activity.onStop()